# ĐỀ 1

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **15** | **20** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 4TN | 3TL  1TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **4TN** | **3TN**  **1TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 1** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**NỮ THẦN MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG**

Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là hai chị em, con của Trời. Công việc của Trời giao phó hàng ngày phải thay phiên nhau đi xem xét thế gian. Bọn khiêng kiệu gồm có hai lớp già và trẻ thay phiên nhau. Gặp phải bọn khiêng kiệu già đi chậm, cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra. Đến lượt bọn trẻ khiêng kiệu đi mau, cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại.

Cô em Mặt Trăng tính tình nóng nảy không kém gì cô chị làm cho thiên hạ ở mặt đất suốt cả ngày đã phải chịu nóng bức vì cô chị, đến đêm lại cũng phải khó chịu vì cô em. Loài người than thở đến tai nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó, cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng, khác hẳn với cô chị, nên được người dưới trần ai cũng thích. Mỗi khi cô ngoảnh mặt nhìn xuống trần là lúc đó trăng rằm, ngoảnh lưng lại là ba mươi, ngoảnh sang phải, sang trái là trăng thượng huyền hay hạ huyền. Hôm nào trăng quầng là lúc vết tro trát mặt hiện ra.

Người ta nghe nói rằng chồng của hai nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một con gấu. Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực, lúc đó người dưới trần làm ầm ĩ lên đánh trống, khua chiêng, gõ mõ, để cho gấu xa ra, vì gấu đi lại với vợ, che lấp Mặt Trời, Mặt Trăng làm hại cho mùa màng.

(Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng – Truyện thần thoại Việt Nam  
– TheGioiCoTich.Vn)

Thực hiện những yêu cầu sau đây:

**Câu 1.**Trong văn bản, nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng được Trời giao công việc gì?

A. Chiếu sáng cho nhân gian.

B. Hàng ngày thay phiên nhau đi xem xét thế gian.

C. Cai quản công việc trên trời.

D. Khiêng kiệu

**Câu 2.** Câu nào dưới đây đúng khi nói về nội dung bao quát của truyện Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng?

A. Lý giải về hiện tượng ngày và đêm

B. Lý giải về hiện tượng nắng và mưa

C. Lí giải các hiện tượng tự nhiên gắn với mặt trời có ánh sáng gay gắt vào ban ngày và mặt trăng có ánh sáng dịu dàng vào ban đêm

D. Lý giải về sự hình thành của trời và đất

**Câu 3.**Sự kiện *“Loài người than thở đến tai nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng”*được tác giả dân gian tạo ra nhằm lý giải điều gì?

A. Hiện tượng mặt trăng hiện lên khi đêm xuống

B. Hiện tượng mặt trăng có ánh sáng dịu nhẹ

C. Hiện tượng ngày ngắn đêm dài

D. Hiện tượng ngày dài đêm ngắn

**Câu 4.** Theo bạn: *“cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra... cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại.”* giúp bạn liên tưởng đến câu tục ngữ nào dưới đây:

A. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

B. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng, ngày tháng mười chưa cười đã tối

C. Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy, cơn đằng nam vừa làm vừa chơi

D. Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa

**Câu 5.**Biện pháp tu từ nào được dùng chủ yếu trong văn bản trên?

A. Nhân hóa

B. Liệt kê

C. So sánh

D. Phóng đại

**Câu 6.**Trong văn bản trên, ai là người kể chuyện?

A. Ông Trời

B. Mặt Trời

C. Mặt Trăng

D. Người trực tiếp diễn xướng để kể lại cho công chúng

**Câu 7.**Khi nguyệt thực, nhật thực xảy ra con người làm ầm ĩ lên đánh trống, khua chiêng, gõ mõ, để Mặt Trời Mặt Trăng khỏi bị che lấp làm hại mùa màng, liên quan hoạt động nào trong đời sống cộng đồng thời cổ đại?

A. Lễ hội

B. Liên hoan

C. Cầu nguyện thần linh

D. Thờ cúng

**Câu 8.**Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận ra Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một truyện thần thoại?

**Câu 9.** Hình tượng nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng phản ánh quan niệm, nhận thức gì của người xưa về thế giới tự nhiên?

**Câu 10.** Thông điệp mà người xưa gửi gắm qua câu chuyện này là gì?

**II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)**

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá truyện Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | B | 0,5 điểm |
| **2** | C | 0,5 điểm |
| **3** | B | 0,5 điểm |
| **4** | B | 0,5 điểm |
| **5** | A | 0,5 điểm |
| **6** | D | 0,5 điểm |
| **7** | C | 0,5 điểm |
| **8** | Những dấu hiệu giúp nhận biết truyện Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một truyện thần thoại:  - Cốt truyện là chuỗi sự kiện xoay quanh quá trình sáng tạo thế giới (các hiện tượng liên quan đến mặt trời và mặt trăng).  - Nhân vật chính kể về các vị thần.  - Thời gian không xác định.  - Không gian vũ trụ, không xác định nơi chốn cụ thể. | 1,0 điểm |
| **9** | Hình tượng nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng phản ánh quan niệm, nhận thức gì của người xưa về thế giới tự nhiên là:  - Thế giới tự nhiên là một thế lực siêu nhiên chi phối thế giới và cuộc sống của con người.  - Khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của người xưa. | 1,0 điểm |
| **10** | Thông điệp mà người xưa gửi gắm qua câu chuyện này là:  + Thiên nhiên và cuộc sống con người có mối quan hệ gắn bó mật thiết.  + Thiên nhiên có ảnh hưởng rất lớn đối với cuộc sống của con người.  + Con người luôn có khát vọng chinh phục thiên nhiên. | 1,0 điểm |

**Phần II: Tự luận (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a*.* Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:**  Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá truyện Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng. | 0,25 điểm |
|  | **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Cách nhận thức và lý giải nguồn gốc thế giới của người Việt xưa hết sức tự nhiên và vẫn lấy gốc là con người và những sự vật quen thuộc để giải thích.  - Lí giải những hiện tượng tự nhiên sảy ra trong cuộc sống hàng ngày liên quan đến Mặt Trời và Mặt Trăng  - Không gian vũ trụ, đang trong quá trình tạo lập, không xác định nơi chốn cụ thể, không có chi tiết nào nhắc đến địa điểm diễn ra sự việc trên  - Thời gian trong truyện diễn ra từ thời cổ sơ và cũng không thể xác định được câu chuyện diễn ra vào thời gian cụ thể nào.  - Cốt truyện xoay quanh sự xuất hiện của thần Mặt Trăng và Mặt Trời, lý giải nguồn gốc về những hiện tượng tự nhiên của Trái Đất. Nhân vật trong truyện là thần Mặt Trời và thần Mặt Trăng, có sức mạnh phi thường, thực hiện công việc sáng tạo thế giới. | 2,5 điểm |
| - Đánh giá chung:  Nghệ thuật xây dựng nhân vật theo lối ẩn dụ độc đáo, gửi gắm một bài học nhân sinh sâu sắc. |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sáng tạo**  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 2

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **15** | **20** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, thể thơ, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận diện được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về thiên nhiên, con người; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 4TN | 3TN  1TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **4TN** | **3TN**  **1TL** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 2** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản:**

Tuổi thơ chở đầy cổ tích  
Dòng sông lời mẹ ngọt ngào  
Đưa con đi cùng đất nước  
Chòng chành nhịp võng ca dao.

Con gặp trong lời mẹ hát  
Cánh cò trắng, dải đồng xanh  
Con yêu màu vàng hoa mướp  
“Con gà cục tác lá chanh”.

Thời gian chạy qua tóc mẹ  
Một màu trắng đến nôn nao  
Lưng mẹ cứ còng dần xuống  
Cho con ngày một thêm cao.

Mẹ ơi, trong lời mẹ hát  
Có cả cuộc đời hiện ra  
Lời ru chắp con đôi cánh  
Lớn rồi con sẽ bay xa.

*(Trong lời mẹ hát, Trương Nam Hương)*

**Chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.  
B. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.  
C. Phong cách ngôn ngữ chính luận.  
D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. nghị luận.  
B. tự sự.  
C. biểu cảm  
D. miêu tả.

**Câu 3**. Ở văn bản này, người con đã gặp trong lời mẹ hát những hình ảnh quen thuộc nào?

A. Cánh cò trắng, dải đồng xanh  
B. Màu vàng hoa mướp, con gà cục tác lá chanh  
C. Có cả cuộc đời hiện ra  
D. Cả A,B,C đều đúng

**Câu 4**. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:

Thời gian chạy qua tóc mẹ

A. So sánh  
B. Nói quá  
C. Nhân hóa  
D. Hoán dụ

**Câu 5.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung chính của lời thơ sau:

Lưng mẹ cứ còng dần xuống

Cho con ngày một thêm cao

A. Gợi hình ảnh người mẹ vất vả.  
B. Tình yêu thương của người con đối với mẹ.  
C. Thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của người con đối với mẹ  
D. Tình thương của người mẹ đối với con.

**Câu 6.** Lời thơ nào sau đây thể hiện rõ nét giá trị lời ru của mẹ?

A. Thời gian chạy qua tóc mẹ/ Một màu trắng đến nôn nao  
B. Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa .  
C. Tuổi thơ chở đầy cổ tích/ Dòng sông lời mẹ ngọt ngào  
D. Con gặp trong lời mẹ hát/ Cánh cò trắng, dải đồng xanh

**Câu 7.** Ý nào sau đây khái quát nội dung chính của văn bản?

A. Đề cập đến ý nghĩa lời ru của mẹ, đồng thời thể hiện lòng biết ơn của nhà thơ đối với công ơn của mẹ.  
B. Đề cập đến hình bóng người mẹ gắn với tuổi thơ và lời ru ngọt ngào.  
C. Đề cập đến những năm tháng tuổi thơ của tác giả cùng người mẹ tảo tần.  
D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ.

**Trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8**. Theo em, lời ru của mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển tâm hồn của người con?

**Câu 9**. Hình ảnh người mẹ ở văn bản trên gợi cho anh/chị những cảm xúc gì?

**Câu 10**. Nhà thơ Trương Nam Hương đã gửi gắm thông điệp gì từ văn bản trên?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Đọc văn bản:**

Bài học về việc đón nhận thành công luôn thật dễ hiểu và dễ thực hiện. Nhưng đối mặt với thất bại, nhất là thất bại đầu đời, lại là điều không hề dễ dàng. Với tất cả mọi người, thất bại - nhất là thất bại trong các mối quan hệ - thường vẫn tạo ra những tổn thương sâu sắc. Điều này càng trở nên nặng nề đối với các bạn trẻ. Nhưng bạn có biết rằng tất cả chúng ta đều có quyền được khóc? Vậy nên nếu bạn đang cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng thì hãy cho phép mình được khóc. Hãy để những giọt nước mắt ấm nồng xoa dịu trái tim đang thổn thức của bạn. Và hãy tin rằng ở đâu đó, có một người nào đó vẫn đang sẵn lòng kề vai cho bạn tựa, muốn được ôm bạn vào lòng và lau khô những giọt nước mắt của bạn... Muốn nhìn thấy cầu vồng, ta phải đi qua cơn mưa… Vì thế, hãy tin ngày mai nắng sẽ lên, và cuộc đời lại sẽ ươm hồng những ước mơ của bạn, một khi bạn còn giữ trong lòng ánh sáng của niềm tin.

*(Theo Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2 - Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr.02)*

**Thực hiện yêu cầu:**

Từ văn bản trên, anh/ chị viết một bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống (khoảng 500 chữ).

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | B | 0,5 điểm |
| **2** | C | 0,5 điểm |
| **3** | D | 0,5 điểm |
| **4** | C | 0,5 điểm |
| **5** | C | 0,5 điểm |
| **6** | B | 0,5 điểm |
| **7** | A | 0,5 điểm |
| **8** | - Lời ru của mẹ rất quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc đối với cuộc đời người con. Lời ru giúp con lớn lên khôn lớn, trưởng thành bay xa. Lời ru chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho đứa con…. | 0,5 điểm |
| **9** | Gợi ý  Hình ảnh người mẹ trong bài thơ là một người mẹ đã tần tảo, vượt qua những khó khăn vất vả để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. Vì vậy, hình ảnh ấy gợi lên nhiều cảm xúc trong lòng người đọc như:  + Xúc động trước sự hi sinh của mẹ  + Xót xa khi nhìn thấy mẹ già đi theo năm tháng  + Yêu thương, trân quý, cảm phục sự hi sinh một đời của mẹ cho con cái. | 1.0 điểm |
| **10** | Gợi ý thông điệp gửi gắm từ văn bản:  - Hãy luôn biết trân quý tình mẫu tử thiêng liêng/ trân quý tình cảm gia đình  - Luôn biết ơn công ơn dưỡng dục của mẹ cha  - Hãy phát huy những khúc hát ru để nuôi dưỡng tinh thần trẻ thơ… | 1.0 điểm |

**Phần II. Tự luận (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề nghị luận, thân bài triển khai được vấn đề nghị luận, kết bài khái quát được vấn đề nghị luận. | 0,25 điểm |
|  | **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:**ý nghĩa của niềm tin trong cuộc sống | 0,25 điểm |
|  | **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới những vấn đề sau: | 2.5 điểm |
|  | - Văn bản nói đến những thử thách của tuổi trẻ và khuyên tuổi trẻ cần có niềm tin trong cuộc sống.  - Giải thích: niềm tin là thứ bạn cảm nhận, tin tưởng vào một điều gì đó và mong muốn nó sẽ xảy ra theo cách mà bạn suy nghĩ.  - Phân tích, đánh giá, bàn bạc: Đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc đời, chúng ta thường nản lòng, chùn bước. Niềm tin có ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người.  + Niềm tin sẽ giúp ta mạnh mẽ, bản lĩnh để vượt qua tất cả.  + Niềm tin là động lực giúp bạn hoàn thành những mong muốn, dự định và đạt được mục tiêu của mình. Nó có thể định hướng và quyết định những hành động đúng đắn của bạn.  + Niềm tin tạo ra năng lượng tích cực giúp bạn xóa bỏ những rào cản, tăng lòng nhiệt huyết, phát huy những năng lực và hành động khác của bản thân*.*  - Phê phán những người sống thiếu niềm tin: thường cảm giác bất an lo lắng, thiếu năng lượng, thiếu nỗ lực khiến bản thân buông xuôi.  - Bài học: Không có niềm tin thì cuộc sống sẽ vô nghĩa. Vì vậy, cần có niềm tin và hy vọng bạn sẽ thành công và hạnh phúc. Trước khi tin vào điều gì đó thì hãy tin vào chính bạn. |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp:**Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sángtạo**  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 3

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **15** | **20** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, thể thơ, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận diện được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về thiên nhiên, con người; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 4TN | 3TN  1TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **4TN** | **3TL**  **1TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 3** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.  
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,  
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...  
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,  
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa,  
Áo em trắng quá nhìn không ra...  
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,  
Ai biết tình ai có đậm đà?

*(Hàn Mặc Tử, “Đây thôn Vỹ Dạ”,*

*SGK Ngữ văn 11, tập 1, NXBGD, 2006, tr.38-39)*

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc thể thơ gì?

A. Lục bát  
B. Song thất lục bát  
C. Bảy chữ  
D. Năm chữ

**Câu 2.**Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ là

A. Hành chính  
B. Sinh hoạt  
C. Khoa học  
D. Nghệ thuật

**Câu 3.**Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

A. Tự sự  
B. Nghị luận  
C. Biểu cảm  
D. Thuyết minh

**Câu 4.** Cảm xúc chủ đạo toát ra từ bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong khổ cuối bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử không phải là sắc thái nào sau đây?

A. Khát khao, vô vọng.  
B. Tuyệt vọng.  
C. Nhớ thương, vô vọng.  
D. Hoài nghi.

**Câu 5.** Nội dung chính của văn bản trên là

A. Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ.  
B. Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.  
C. Lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt của nhà thơ.  
D. Nỗi lòng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

**Câu 6**. Từ "kịp" trong hai dòng thơ: "Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay?" gợi lên điều gì rõ nét nhất đang ẩn chứa trong tâm tư tác giả?

A. Một lời khẩn cầu, hi vọng được gặp lại người thương.  
B. Một nỗi buồn nhớ xa xăm đối với người thương.  
C. Một niềm khao khát, một thúc bách chạy đua với thời gian.  
D. Một niềm mong ngóng, trông đợi đối với người thương.

**Câu 7**. Việc láy lại 2 lần từ “nắng” và sử dụng liên tiếp các bổ ngữ (nắng hàng cau, nắng mới) trên một dòng thơ đã góp phần làm cho:

A. Cảnh bình minh thêm đẹp

B. Tăng lên gấp bội cảm giác bừng sáng tươi mới, chan hòa của nắng

C. Không gian thêm rực rỡ

D. Không gian như mở rộng đến vô cùng vô tận

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8.**Anh/ chị hiểu như thế nào về câu thơ“Gió theo lối gió mây đường mây”?

**Câu 9**. Nhận xét về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ qua khổ thơ đầu.

**Câu 10**. Ấn tượng của anh /chị về bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ.

**II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/ chị về quan điểm hãy sống là chính mình.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | C | 0,5 điểm |
| **2** | D | 0,5 điểm |
| **3** | C | 0,5 điểm |
| **4** | A | 0,5 điểm |
| **5** | B | 0,5 điểm |
| **6** | C | 0,5 điểm |
| **7** | B | 0,5 điểm |
| **8** | - Câu thơ“Gió theo lối gió mây đường mây”có nghĩa là:  Thể hiện nỗi xót xa, sự chia lìa, ngăn cách,… trong lòng nhà thơ. Hàn Mặc Tử cảm nhận thiên nhiên qua tâm trạng của chính ông. | 0,5 điểm |
| **9** | Nhận xét về tình cảm của nhà thơ với mảnh đất và con người thôn Vĩ qua khổ thơ đầu:  + Nhà thơ đã thể hiện tình yêu tha thiết đối với mảnh đất và người xứ Huế.  + Nhà thơ đã gắn bó sâu sắc đối với mảnh đất và người xứ Huế. | 1,0 điểm |
| **10** | - Một vài gợi ý về câu trả lời:  +Ấn tượng về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.  +Ấn tượng sâu sắc về mỗi khổ thơ. | 1,0 điểm |

**Phần II: Tự luận (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a*.* Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:** Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/ chị về quan điểm hãy sống là chính mình. | 0,25 điểm |
|  | **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: hãy sống là chính mình.  **2. Thân bài**  **a. Giải thích**  Câu nói mang ý nghĩa: mỗi người sinh ra có những đặc điểm riêng, sứ mệnh riêng, chúng ta không nên nhòm ngó cuộc sống của người khác hoặc cố gắng trở thành ai đó.  **b. Phân tích**  Mỗi con người sinh ra đều có khuôn mặt khác nhau, hoàn cảnh riêng, điều kiện sống khác nhau từ đó hình thành những tính cách, suy nghĩ khác nhau. Chính vì những sự khác nhau này tạo nên đặc điểm nhận dạng riêng biệt của người đó.  Nếu xã hội này ai cũng phấn đấu đến một hình tượng chung, một tính cách chung mà không là chính mình sẽ khiến cho xã hội trở nên một màu, khó có thể phát triển bản thân và xã hội.  Xã hội phát triển là do sự khác biệt của con người tạo nên, mỗi người một cá tính góp phần làm cho cuộc sống muôn màu muôn vẻ hơn.  **c. Chứng minh**  Học sinh tự lấy dẫn chứng về những con người sống là chính mình, tự tin về bản thân mình và đạt được nhiều thành công để minh họa cho bài làm của mình.  Lưu ý: dẫn chứng xác thực, nổi bật, tiêu biểu, được nhiều người biết đến.  **d. Phản biện**  Trong cuộc sống vẫn còn có nhiều người tự ti vào bản thân, hay soi xét cuộc sống của người khác và cố gắng trở thành bản sao của người nào đó. Lại có những người vì tham vọng của bản thân mà đánh mất chính mình… những người này đáng bị xã hội thẳng thắn phê phán, chỉ trích.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề nghị luận: hãy sống là chính mình; đồng thời rút ra bài học, liên hệ đến bản thân mình. | 2,0 điểm |
| - Đánh giá chung:  Nghệ thuật xây dựng nhân vật theo lối ẩn dụ độc đáo, gửi gắm một bài học nhân sinh sâu sắc. | 0,5 điểm |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sáng tạo**  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 4

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | 5 | 0 | 2 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **25** | **5** | **10** | **20** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 5TN | 2TN  1TL | 1TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **5TN** | **2TN**  **1TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **30%** | **30%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 4** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

**GIẾT CON SƯ TỬ Ở NÊ-MÊ**

Thuở ấy ở Nê-mê có một con sư tử to lớn hung dữ gấp mười lần con sư tử ở Xi-tê-rông. Bố nó chính là tên Đại khổng lồ Ty-phông, đã có lần quật ngã Dớt. Mẹ nó là Ê-chit-na, một con quỷ cái nửa người nửa rắn. Các anh em sư tử cũng đều là những loại ghê gớm cả. Nữ thần Hê-ra đã nuôi con sư tử này và đem thả vào vùng Nê-mê. Ác thú sống trong một cái hang có hai lối: một lối ra, một lối vào. Ngày ngày nó xuống đồng cỏ bắt gia súc, phá hoại mùa màng của nhân dân. Sư tử Nê-mê còn khác sư tử Xi-tê-rông ở chỗ không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được. Hê-ra-clet làm thế nào để trị được con quái vật này? Các vị thần luôn luôn theo dõi giúp đỡ người anh hùng. Thần A-pô-lông cho chàng một cây cung và một ống tên. Thần Héc-mes cho chàng một thanh gươm dài và cong. Thần Hê-phai-tôx rèn cho chàng một bộ áo giáp vàng. Còn nữ thần A-then-na ban cho chàng một bộ quần áo do tự tay nàng dệt lấy vải may thành áo, thành quần rất đẹp. Đây là cây chùy gỗ tự tay chàng làm lấy trước khi đi diệt trừ ác thú ở Xi-tê-rông. Hồi ấy chàng tìm thấy một cây gỗ to và quý ở trong một khu rừng già. Cây gỗ rắn như sắt, chắc như đồng khiến chàng nghĩ tới có thể sử dụng nó làm một thứ vũ khí. Chàng bèn đốn cây chặt hết cành lá, chỉ lấy đoạn gốc để đẽo thành chùy. Chính với cây chùy này mà chàng hạ thủ được con sư tử Xi-tê-rông

Nhưng lần giao đấu này với sư tử Nê-mê không dễ dàng như lần trước. Hê-ra-clet phải tìm đến tận hang ổ của con vật. Chàng rình mò, xem xét thói quen, tính nết của nó rồi nghĩ kế diệt trừ. Sư tử Nê-mê ở trong một cái hang có hai cửa, vì thế không dễ đón đánh được nó. Hê-ra-clet thấy tốt nhất là phải lấp kín đi một cửa, buộc nó phải về theo một con đường nhất định. Và chàng mai phục ngay trước cửa hang. Chờ cho con vật ra khỏi hang, chàng giương cung bắn. Những mũi tên của chàng lao vút đi trúng liên tiếp vào thân con ác thú nhưng bật nảy ra và quằn đi như bắn vào vách đá. Không còn cách gì khác là phải lao vào con ác thú giao chiến với nó bằng gươm, bằng chùy. Nhưng đến gần nó thì thật là nguy hiểm. Hê-ra-clet thận trọng trong từng đòn đánh con vật, vì chỉ sơ hở một chút thì người anh hùng sẽ biến thành bữa ăn ngon miệng cho sư tử. Lừa cho ác thú vồ hụt, chàng vung gươm bổ một nhát trời giáng xuống đầu nó. Nhưng ghê gớm làm sao, thanh gươm bật nẩy như khi ta chém dao xuống đá. Da con vật chẳng hề xây xát. Hê-ra-clet dùng chùy. Chàng hy vọng nện liên tiếp vào đầu nó thì nó sẽ không thể còn sức mà giao đấu với chàng. Nhưng chàng không thể nào nện liên tiếp vào đầu con vật. Chàng còn phải tránh những đòn ác hiểm của nó như quật đuôi, vả trái, tát phải, nhẩy bổ, lao húc... Bây giờ thì chỉ còn cách vật nhau với nó. Hê-ra-clet lợi dụng một đòn tấn công hụt của ác thú, nhảy phắt lên lưng, cỡi trên mình nó, hai chân quặp lấy thân còn hai tay vươn ra bóp cổ, ấn đầu nó xuống đất. Con sư tử không còn cách gì đối phó lại được. Hai chân sau của nó ra sức đạp mạnh xuống đất để hất người ngồi trên lưng nó xuống, nhưng vô ích. Còn hai chân trước của nó chỉ biết cào cào trên mặt đất. Trong khi đó thì đôi bàn tay của Hê-ra-clet, như đôi kìm sắt thít chặt lấy cổ họng nó, khiến nó ngạt thở phải há hốc mồm ra và hộc hộc lên từng cơn. Chẳng bao lâu thì con thú yếu dần, cuối cùng chỉ còn là một cái xác. Thế là Hê-ra-clet vượt qua được một thử thách, lập được một chiến công kỳ diệu. Chàng muốn lột lấy bộ da sư tử làm áo giáp, dùng đầu sư tử làm mũ đội. Nhưng chẳng dao nào rạch được trên da con vật. Hê-ra-clet lấy luôn móng sắc con vật thay dao. Và chàng mặc bộ áo của chiến công ấy, đội chiếc mũ của vinh quang ấy, trở về Mi-xen báo công với nhà vua Ơ-rit-xtê. Với bộ áo bằng da sư tử Nê-mê, từ nay trở đi Hê-ra-clet trở thành vô địch, không vũ khí nào có thể làm chàng đứt thịt rách da. […]

Để ghi nhớ chiến công của người anh hùng Hê-ra-clet, nhân dân Hy Lạp sau này cứ hai năm một lần tổ chức Hội Nê-mê ở thung lũng Nê-mê thuộc đất Ác-gô-lit. Hội mở vào giữa mùa hè thường kéo dài độ ba đến bốn ngày để tỏ lòng thành kính và biết ơn đối với thần Dớt. Sau cái nghi lễ tôn giáo là đến các trò thi đấu thể dục thể thao. Trong thời gian mở hội, các thành bang Hy Lạp tạm thời hòa hoãn các cuộc xung đột, các mối hiềm khích để vui chơi.

*(Trích Mười hai kỳ công của Hê-ra-clet, Thần thoại Hy Lạp, Nguyễn Văn Khỏa, NXB Văn học, 2014, tr.386-389)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Sự kiện chính được kể trong văn bản trên là gì?

A. Hê-ra-clet giết con sư tử ở Xi-tê-rông.  
B. Hê-ra-clet giết con sư tử ở Nê-mê.  
C. Hê-ra-clet nhận vũ khí từ các vị thần.  
D. Hê-ra-clet được các thần giao sứ mệnh giúp loài người.

**Câu 2.** Ai là người nuôi con sư tử Nê-mê?

A. Thần Dớt.  
B. Thần A-pô-lông.  
C. Thần Héc-mes.  
D. Nữ thần Hê-ra.

**Câu 3.** Con sư tử Nê-mê thường gây họa gì cho con người?

A. Gây ra lũ lụt, mất mùa.  
B. Bắt dân xứ Nê-mê phải hàng năm phải hiến tế người.  
C. Bắt gia súc, phá hoại mùa màng.  
D. Gây thảm họa động đất, sóng thần.

**Câu 4.** Hê-ra-clet hạ được con sư tử ở Nê-mê bẳng cách nào?

A. Dùng vũ khí của các vị thần ban cho.  
B. Nhờ vào sự giúp sức của các vị thần.  
C. Dùng cây chùy mà chàng tự làm.  
D. Dùng chính đôi bàn tay của mình.

**Câu 5.** Chi tiết Hê-ra-clet lấp kín một cửa hang của con sư tử Nê-mê cho thấy chàng là con người như thế nào?

A. Thông minh.  
B. Dũng cảm  
C. Kiên quyết  
D. Tài hoa.

**Câu 6.** Hình tượng sư tử Nê-mê có ý nghĩa gì?

A. Tượng trưng cho lực lượng thống trị xã hội tàn ác.  
B. Chỉ những hiện tượng tự nhiên gây tai họa cho con người.  
C. Chỉ những các hiện tượng tiêu cực của xã hội.  
D. Tượng trưng cho những tính cách tiêu cực của loài người.

**Câu 7.** Chiến công của Hê-ra-clet trong câu chuyện có ý nghĩa gì?

A. Ca ngợi sức mạnh của nhà nước A-then cổ đại.  
B. Ca ngợi, tự hào về sức mạnh và trí tuệ của con người.  
C. Phản ánh những xung đột xã hội căng thẳng.  
D. Phản ánh công cuộc khám phá đại dương của người Hy Lạp cổ.

**Trả lời các câu hỏi:**

**Câu 8.** Theo bạn, có thể lược bỏ chi tiết miêu tả con sư tử Nê-mê “không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được” trong văn bản hay không? Vì sao?

**Câu 9.** Qua chi tiết Hê-ra-clet dù có đủ vũ khí được thần linh ban phát nhưng vẫn phải dùng chính đôi tay của mình để diệt trừ ác thú, bạn rút ra bài học gì?

**Câu 10.** Sau khi diệt trừ con sư tử Nê-mê, Hê-ra-clet có được thêm bộ áo giáp và mũ hộ thân. Từ chi tiết này, bạn quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội? (Trả lời bằng 4-5 câu)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Giết con sư tử ở Nê-mê.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | B | 0.5 điểm |
| **2** | D | 0.5 điểm |
| **3** | C | 0.5 điểm |
| **4** | D | 0.5 điểm |
| **5** | A | 0.5 điểm |
| **6** | B | 0.5 điểm |
| **7** | B | 0.5 điểm |
| **8** | - Không thể lược bỏ chi tiết miêu tả con sử tử Nê-mê “*không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng”*  - Vì nếu thiếu chi tiết này thì tác phẩm không thể miêu tả cuộc chiến giữa con người và ác thú căng thẳng, làm nổi bật thử thách của nhân vật chính; đồng thời, không thể tôn vinh sức mạnh của Hê-ra-clet. | 0.5 điểm |
| **9** | - Nêu ra bài học cho bản thân.  - Lí giải lí do bản thân nêu bài học ấy. | 1.0 điểm |
| **10** | - Nêu quan niệm của bản thân về mối quan hệ giữa thử thách và cơ hội.  - Lí giải được những lí do nêu quan điểm như vậy. | 1.0 điểm |

**Phần II: Tự luận (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.25 điểm |
| **b. Xác định đúng yêu cầu của đề.**  Ý nghĩa, giá trị của tác phẩm Giết con sư tử ở Nê-mê. | 0.25 điểm |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.5 điểm |
| - Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của tác phẩm *Giết con sư tử ở Nê - mê*.  - Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:  + Về nội dung, câu chuyện kể về một trong những kì công của Hê-ra-clet; thông qua đó, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của người Hy Lạp cổ; ngợi ca sức mạnh thể chất và trí tuệ của con người.  + Về nghệ thuật, tác phẩm chứa đựng những đặc trưng của nghệ thuật cổ đại Hy Lạp: sự phong phú của trí tưởng tượng; tính hấp dẫn, li kì của thử thách để làm bật những phẩm chất của nhân vật chính…  - Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện (có thể là bài học dựa vào chính bản thân mình hoặc không ngại khi phải đương đầu với thử thách) / thể hiện sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của câu chuyện trong tác phẩm…. |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 điểm |
| **e. Sángtạo**  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 điểm |

# ĐỀ 5

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Sử thi | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **50** |
| **Tổng** | | | **0** | **15** | **0** | **35** | **0** | **40** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **15%** | | **35%** | | **40%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Sử thi | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong sử thi.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện sử thi.  - Nhận biết được lời người kể chuyện và lời của nhân vật sử thi, cảm hứng chủ đạo và lịch sử - văn hóa.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 1TL | 2TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **1 TL** | **2TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **15%** | **35%** | **40%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **50%** | | **50%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 5** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**Phần** **1: Đọc hiểu (5** **điểm)**

*Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:*

Đăm Săn rung khiên múa. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới nữa, chàng vượt một đồi lồ ô. Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây.

[...] Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc. Chòi lẫm đổ lăn lóc. Cây cối chết rụi. Khi chàng mua dưới thấp, vang lên tiếng dĩa khiên đồng. Khi chàng múa trên cao, vang lên tiếng dĩa khiên kênh. Khi chàng múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung.

*(Trích Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây)*

**Câu 1 (0,5 điểm):** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

**Câu 2 (0,5 điểm):** Nêu nội dung chính của đoạn.

**Câu 3 (1,0** **điểm):** Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn trên.

**Câu 4 (1,0 điểm):** Anh/chị có nhận xét gì về cách người kể miêu tả hai lần múa khiên.

**Câu 5 (2,0 điểm):** Trình bày cảm nhận của anh/ chị về cảnh Đăm Săn múa khiên thông qua đoạn văn.

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá: chủ đề và nghệ thuật của truyện *Đi san mặt đất* *(Truyện của người Lô Lô, trích Mẹ Trời, Mẹ Đất).*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần 1: Đọc hiểu (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | - Phương thức biểu đạt chính: miêu tả. | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | - Nội dung chính: miêu tả 2 lần múa khiên của Đăn Săn trong cuộc đấu với Mtao Mxay. | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | - Biện pháp tu từ so sánh: gió như bão; gió như lốc.  - Phép điệp: điệp từ múa, vun vút; điệp cú pháp: Một lần xốc tới chàng vượt một đồi tranh. Một lần xốc tới, chàng vượt một đồi lồ ô…;  - Phép đối: cao-thấp  - Phóng đại: quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ…  - Nói quá: vượt một đồi tranh, vượt một đồi lồ ô...  => Tác dụng: Ca ngợi sức mạnh và tài năng của Đăm Săn trong cuộc đấu với kẻ thù để đem lại hạnh phúc gia đình và dân làng. | 1 điểm |
| **Câu 4** | - Nhận xét:  + Đặc điểm thường thấy ở sử thi, các anh hùng tỏ rõ tài năng, phẩm chất trước đối thủ thông qua một động tác giống nhau;  + Biện pháp để thực hiện sự trì hoãn sử thi bằng cách lặp lại việc mô tả múa khiên hai lần. | 0,5 điểm    0,5 điểm |
| **Câu 5** | - HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: ta thấy được sức vóc và sức mạnh to lớn của người anh hùng sử thi. Hình ảnh Đăm Săn múa khiên thể hiện được tầm vóc trước thiên nhiên và sức mạnh của người anh hùng sử thi. => Hành động, cử chỉ múa khiên của Đăm Săn thể hiện được sự uy lực khủng khiếp và sức mạnh của Đăm Săn. | 2 điểm |

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 điểm      0,5 điểm              3 điểm                  0,5 điểm        0,5 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**  Chủ đề và nghê thuật của truyện Đi san mặt đất. |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Giới thiệu truyện kể và nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.  - Xác định chủ đề truyện.  - Phân tích, đánh giá các khía cạnh trong chủ đề truyện (thời gian, không gian, nội dung)  - Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của truyện.  - Khẳng định lại giá trị của chủ đề và hình thức nghệ thuật của truyện.  - Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc. |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. |
| **e. Sáng tạo**  - Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn dạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. |

# ĐỀ 6

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **50** |
| **Tổng** | | | **0** | **15** | **0** | **35** | **0** | **40** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **15%** | | **35%** | | **40%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, thể thơ, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận diện được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về thiên nhiên, con người; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 1TL | 2TL | 1TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **1 TL** | **2TL** | **1TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **15%** | **35%** | **40%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **50%** | | **50%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 6** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**Phần** **1: Đọc hiểu (5 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

**CHÂN QUÊ**

Hôm qua em đi tỉnh về

Đợi em ở mãi con đê đầu làng

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng

Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sồi?

Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?

Nào đâu cái áo tứ thân?

Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em

Van em em hãy giữ nguyên quê mùa

Như hôm em đi lễ chùa

Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!

Hoa chanh nở giữa vườn chanh

Thầy u mình với chúng mình chân quê

Hôm qua em đi tỉnh về

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

(Nguyễn Bính – Thơ và đời, NXB Văn học, 2003)

**Câu 1 (1 điểm):** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính trong bài thơ trên.

**Câu 2 (0,5 điểm):** Qua bài thơ, anh/chị hiểu nghĩa của từ “chân quê” như thế nào?

**Câu 3 (1,5 điểm):** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Nêu khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**Câu 4 (2 điểm):** Trình bày suy nghĩ của anh/chị rút về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

  Hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về chủ đề và một số nét đặc về nghệ thuật của một truyện kể anh/chị yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần 1: Đọc hiểu (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | - Thể thơ: lục bát  - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm. | 0,5điểm  0,5điểm |
| **Câu 2** | - Nghĩa của từ “Chân quê”: vẻ đẹp mộc mạc, đằm thắm, giản dị và chân chất. | 0,5điểm |
| **Câu 3** | - Nhân vật trữ tình: “anh” – một chàng trai thôn quê.  - Tâm trạng của nhân vật trữ tình: Bồn chồn, mong đợi người yêu; bất ngờ đến ngỡ ngàng trước sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái; trách móc, xót xa, tiếc nuối trước sự thay đổi ấy; mong muốn, nhắc nhở người mình yêu gìn giữ vẻ đẹp truyền thống và cái gốc mộc mạc, đằm thắm của quê hương (trong cách ăn mặc) mà cha ông ta đã tạo nên. | 0,5 điểm  1,0 điểm |
| **Câu 4** | - HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý về nội dung:  + Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng. Đó là kết tinh những giá trị văn hóa gốc, căn bản, cốt lõi của dân tộc đã được thử thách qua tháng năm. Nhưng giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc không có nghĩa là từ chối tiếp nhận tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác.  + Muốn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải có bản lĩnh văn hóa, một mặt phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc, mặt khác tiếp thu có chọn lọc những gí trị của các nền văn hóa khác để làm giàu có thêm nền văn hóa nước nhà. | 2,0 điểm |

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**  Chủ đề và nghệ thuật của một truyện kể em yêu thích. | 0,5 điểm |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Giới thiệu truyện kể và nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.  - Tóm tắt nội dung chính của truyện  - Phân tích, đánh giá các khía cạnh trong chủ đề của truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm  - Phân tích, đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của truyện.  - Khái quát nội dung chính, khẳng định giá trị của tác phẩm. | 3,0 điểm |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sáng tạo**  Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn dạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 7

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **50** |
| **Tổng** | | | **0** | **15** | **0** | **35** | **0** | **40** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **15%** | | **35%** | | **40%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, thể thơ, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận diện được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về thiên nhiên, con người; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 1TL | 2TL | 1TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **1 TL** | **2TL** | **1TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **15%** | **35%** | **40%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **50%** | | **50%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 7** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**Phần** **1: Đọc hiểu (5 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

**ĐƯỜNG ĐI HỌC**

Khúc khuỷu ruột dê ổ gà ổ chó

Đường dẫn con đi suốt tuổi thơ mình

Nhiều gai góc nhưng cũng đầy hoa cỏ

Vui rập rờn theo những cánh bướm xinh…

Mười cây số bốn mùa chân xuôi ngược

Manh áo nghèo mưa nắng bạc tóc hoe

Không ngăn nổi hồn nhiên chim sáo hót

Chiều vô tư ngõ đom đóm lập lòe

Ôi! Thương quá cái thời cơm cõng củ

Lén nhìn con cạo rá mẹ thở dài

Bữa cháo bữa rau qua ngày giáp hạt

Túc tắc rồi con cũng lớn như ai.

Thêm một tuổi là con thêm một lớp

Bước dài hơn, đi đứng chững chạc hơn

Con đường cũ mở ra nhiều lối mới

Cánh bướm xưa vẫn bay lượn chập chờn.

Mê lộ đời lắm ngả ngang ngả dọc

Chợt xênh xang chợt heo hút dặm mòn

Đường đi học vẫn là đường đẹp nhất

Sớm muộn về vẫn có mẹ chờ con!

18.02.2003

(Trích Từ khi có phượng, Nguyễn Ngọc Hưng,

NXB Hội nhà văn, 2005, tr.7-8)

**Câu 1 (1 điểm):** Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

**Câu 2 (1 điểm):** Giải nghĩa các từ ngữ sau: khúc khuỷu, chững chạc, túc tắc và heo hút.

**Câu 3 (1 điểm):** Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả đối với con đường đi học thể hiện trong bài thơ.

**Câu 4 (2 điểm):** Trình bày ngắn gọn suy nghĩ của anh/chị về con đường đi học của mình.

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

  Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận với chủ đề” “Thói vô trách nhiệm trước cuộc sống”.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần 1: Đọc hiểu (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu1** | - Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuât.  - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm. | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu2** | - Khúc khuỷu: có nhiều đoạn gấp khúc nối tiếp nhau.  - Chững chạc: đứng đắn, đàng hoàng.  - Túc tắc: thong thả, không nhanh, nhưng đều đặn  - Heo hút: vắng và khuất, thiếu bóng người, gây cảm giác buồn, cô đơn | Mỗi ý đúng 0,25 điểm |
| **Câu3** | - Nhận xét về tình cảm, thái độ của tác giả đối với con đường đi học thể hiện trong bài thơ:  + Tình cảm gắn bó, yêu thương  + Thái độ trân trọng và tự hào. | 1,0 điểm |
| **Câu4** | - HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, cần có suy nghĩ tích cực, hợp lí, thuyết phục.  - Gợi ý:  + Con đường đi học xa xôi, gian khó nhưng nó là con đường đẹp, gắn liền với tuổi thơ.  + Con đường gần gũi, thân thuộc ngay trên chính quê hương mình.... | 2,0 điểm |

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**  Thói vô trách nhiệm trước cuộc sống. | 0,5 điểm |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.  - Giải thích và nêu biểu hiện về thói vô trách nhiệm.  - Tác hại, hậu quả của thói vô trách nhiệm.  - Bài học nhận thức và hành động. | 3,0 điểm |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sáng tạo**  Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn dạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 8

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | 0 | 1 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **50** |
| **Tổng** | | | **0** | **15** | **0** | **35** | **0** | **40** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **15%** | | **35%** | | **40%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thần thoại | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 1TL | 2TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **1 TL** | **2TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **15%** | **35%** | **40%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **50%** | | **50%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 8** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**Phần** **1: Đọc hiểu (5điểm)**

*Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:*

**NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI**

  Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.

  Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dưng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.

  Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mỏi mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghĩ ra một cách, lấy *một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn,* vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hồi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc bao nhiêu là người.

*(Trích “Nữ Oa” (Thần thoại Trung Quốc),*

*Dương Tuấn Anh (sưu tầm, tuyển chọn) NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).*

**Câu 1 (1 điểm):** Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

**Câu 2 (1 điểm):** Về phương diện thể loại, đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích nào đã học, và hãy chỉ những điểm giống nhau đó?

**Câu 3 (1 điểm): “***Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn*” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không?

**Câu 4 (1 điểm):** Anh/chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

**Câu 5 (1 điểm):** Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi thiếu mạch lạc trong câu sau:

*Qua đoạn trích “Nữ Oa tạo ra loại người”, ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về cách hình thành thế giới rất giản đơn.*

**Phần 2: Tạo lập văn bản (5 điểm)**

  Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương, đất nước.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần 1: Đọc hiểu (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | - Thể loại: thần thoại.  - Phương thức biểu đạt chính: tự sự. | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 2** | - Đoạn trích *Nữ oa tạo ra loại người* giống với đoạn trích *Thần Trụ Trời* đã học.  - Điểm giống nhau: đều nói về nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo. | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 3** | - HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý:  + Niềm tin ấy vẫn còn sức hấp dẫn đối với con người hiện đại, thể hiện qua các tín ngưỡng của nhân dân ta vẫn còn lưu giữ đến ngày nay như thờ sơn thần, thủy thần, thờ cá ông... Có thể nói, người Việt ta vẫn có một niềm tin vô hình vào những vị thần chế ngự thiên nhiên, đặc biệt đối với những gia đình làm nông nghiệp.  + Tin vào sự tồn tại ở thế giới khác không phải là điều xấu, nếu điều đó làm cho bản thân chúng ta tốt hơn. Chỉ những kẻ dựa vào đó để trục lợi, lợi dụng niềm tin của người khác mới đáng lên án. | 1,0 điểm |
| **Câu 4** | - Thông điệp tích cực thông qua văn bản: Các bị thần linh đã có công tạo ra vũ trụ, con người, giúp con người vượt qua mọi thiên tai bằng tất cả tình yêu thương và tâm trí của mình. Chính vì vậy, mọi người hãy biết ơn, bảo vệ, giữ gìn để nó xứng đáng cới công lao của các vị thần linh. | 1,0 điểm |
| **Câu 5** | - Lỗi: "ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về cách hình thành thế giới rất giản đơn". Câu này dùng từ *''giản đơn''* không phù hợp với những chi tiết kỳ ảo trong tác phẩm.  - Sửa: ta thấy người thời cổ nhận thức và lí giải về cách hình thành thế giới rất đặc biệt. | 1,0 điểm |

**Phần 2: Tự luận (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**  Trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương, đất nước. | 0,5 điểm |
| **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Trách nhiệm với quê hương đất nước là những việc làm, hành động thể hiện tình yêu quê hương đất nước  - Tuổi trẻ cần phải có trách nhiệm với quê hương đất nước vì:  + Quê hương đất nước có được như ngày hôm nay là phải đánh đổi bằng bao nhiêu xương máu các thế hệ cha anh đi trước.  + Sống có trách nhiệm sẽ giúp con người đẩy xa cái tôi cá nhân, sự ích kỉ, nhỏ nhen của mình để từ đó hướng tới những điều tốt đẹp hơn.  + Tuổi trẻ là những người năng động, sáng tạo, sống có hoài bão, có lí tưởng…trở thành trụ cột của quê hương, đất nước.  - Để thể hiện trách nhiệm với quê hương, đất nước tuổi trẻ cần phải:  + Có tình yêu, niềm tự hào, sự biết ơn…đối với quê hương, đất nước.  + Tích cực học tập, rèn luyện bản thân để cống hiến tài năng cho đất nước.  + Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác.  - Bài học nhận thức và hành động. | 3,0 điểm |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5điểm |
| **e. Sáng tạo**  Bài viết có giọng điệu riêng, cách diễn dạt sáng tạo, văn phong trôi chảy. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 9

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **15** | **20** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, thể thơ, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận diện được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về thiên nhiên, con người; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 4TN | 3TN  1TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **4TN** | **3TN**  **1TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 9** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc đoạn thơ sau:

[…] Bao cái chết nối dài cơn hồng thủy

Biết nói sao đây, mây cũng trắng màu tang

Mùa thu ơi, lòng ta trĩu nặng

Hết Rào Trăng lại đến Hướng Phùng!

Những đêm trắng nối dài đêm trắng

Mặt lũ soi trắng bệch mặt người

Đất trắng nước, người trắng tay ngồi đợi

Mặt trời lên, sao chửa thấy mặt trời?

Ta nghe quặn tiếng rừng thét gọi

Ai giàu lên vùn vụt bởi máu cây

Máu đời đấy, những kiếp người lẩy bẩy

Sống bao nhiêu cũng không hết khổ nghèo!

Lại rùng mình nghĩ những quả bom treo

Xả chìm ngập, lo âu vào xóm mạc

Người trách trời bạc ác

Sao chẳng trách người nhá bẩn non sông?

Miền Trung ơi, thương lắm miền Trung

Đẫm nước mắt trôi qua bao mùa bão lũ

Ai khắc khoải đợi mùa rau nhú

Vẫn ân tình mỗi bát cơm chia…

(Nguyễn Hữu Quý, trích “Viết từ tâm lũ”, tháng 10 – 2020)

**Trả lời câu hỏi**

**Câu 1:** Bài thơ viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát

B. Thơ năm chữ

C. Thơ bảy chữ

D. Tự do

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính sử dụng trong bài thơ là gì?

A. Biểu cảm

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 3:** Ba câu thơ:

Ta nghe quặn tiếng rừng thét gọi

Ai giàu lên vùn vụt bởi máu cây

Máu đời đấy, những kiếp người lẩy bẩy

Lên tiếng phê phán hiện trạng gì?

A. Xả rác bừa bãi

B. Phá rừng

C. Hiệu ứng nhà kính

D. Ô nhiễm không khí

**Câu 4:** Câu tục ngữ nào dưới đây KHÔNG phản ánh kinh nghiệm của nhân dân ta về hiện tượng mưa bão?

A. Tháng bảy kiến đàn, đại ngàn hồng thủy

B. Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ

C. Gió heo may, chẳng mưa dầm thì bão giật

D. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng/ Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

**Câu 5:** Nội dung của bài thơ trên là gì?

A. Phê phán những hành động ảnh hưởng xấu đến thiên nhiên của con người

B. Thể hiện sự tàn khốc của thiên tai đối với con người

C. Thể hiện tấm lòng xót thương đối với số phận của những người dân trong cơn bão lũ

D. Cả ba đáp án trên

**Câu 6:** Câu thơ cuối của đoạn thơ nói về truyền thống tốt đẹp gì của dân tộc ta?

A. Yêu quê hương

B. Tương thân tương ái

C. Trân trọng nét đẹp văn hóa truyền thống

D. Truyền thống hiếu học

**Câu 7:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong 3 câu thơ sau:

Những đêm trắng nối dài đêm trắng

Mặt lũ soi trắng bệch mặt người

Đất trắng nước, người trắng tay ngồi đợi

**Câu 8:** Theo tác giả, những nguyên nhân nào gây nên thảm cảnh lũ lụt cho con người?

**Câu 9:** Anh/ chị hãy đề xuất 3 giải pháp cơ bản để giảm thiểu tai nạn thiên tai do lũ lụt

**Câu 10:** Thông điệp của đoạn thơ trên là gì?

**II. PHẦN VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận về chủ đề sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết thế giới.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | D | 0,5 điểm |
| **2** | A | 0,5 điểm |
| **3** | B | 0,5 điểm |
| **4** | D | 0,5 điểm |
| **5** | D | 0,5 điểm |
| **6** | B | 0,5 điểm |
| **7** | Phép điệp: điệp từ “trắng”  Phép ẩn dụ “đêm trắng” (đêm không ngủ), “trắng tay” (mất hết)  Tác dụng:  - Nhấn mạnh tình cảnh lao đao, khốn khổ của người dân vùng lũ và thể hiện cảm xúc nghẹn ngào, đau đớn… của tác giả.  - Làm tăng nhạc điệu và sự sinh động, hấp dẫn cho đoạn thơ. | 0,75 điểm |
| **8** | Nguyên nhân:  - Chặt phá, khai thác rừng bừa bãi (Ai giàu lên vùn vụt bởi máu cây)  - Xả lũ bừa bãi (Lại rùng mình nghĩ những quả bom treo/ Xả chìm ngập, lo âu vào xóm mạc) | 0,75 điểm |
| **9** | Một số giải pháp:  - Có những quy định bảo vệ rừng chặt chẽ hơn, trồng rừng  - Xả lũ hợp lý  - Xử phạt nghiêm minh với hành động xả rác bừa bãi, chặt phá rừng. | 1,0 điểm |
| **10** | Thông điệp của văn bản: Con người cần sống hòa hợp và có ý thức hơn trong việc bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên cũng là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta. | 1,0 điểm |

**Phần II: Tự luận (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a*.* Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**  Viết bài văn nghị luận về chủ đề sự đồng cảm tạo nên vẻ đẹp gắn kết thế giới. | 0,25 điểm |
|  | **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận  **2. Thân bài**  **1. Giải thích:**  - Khái niệm: Đồng cảm là biết rung cảm trước những vui buồn của người khác, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để hiểu và cảm thông với họ. Khi ta học được cách đồng cảm và chia sẻ cũng là lúc ta nhận được niềm vui.  -Biểu hiện: Người biết đồng cảm sẽ biết san sẻ vui buồn, hiểu biết những trạng thái tâm hồn với người khác, từ đó biết chia sẻ những khó khăn về vật chất, tinh thần, kết nối, lan toả với những người xung quanh.  - Vai trò: khi ta học được cách đồng cảm ta sẽ biết sẻ chia, biết cách sống vì người khác. Đó cũng là ta nhận được niềm vui, ý nghĩa cuộc sống, ta cũng mở rộng được các mối quan hệ, tạo sự thân thiện, hoà ái với thế giới …  **2. Bàn luận:**  Đồng cảm là một phẩm chất cần rèn luyện thường xuyên; Đồng cảm luôn gắn với sẻ chia và thể trong các mối quan hệ giữa người với người; Đồng cảm không giới hạn mà là phẩm chất mang tính nhân loại, vượt lên mọi giới hạn, kết nối với thế giới…  a. Cuộc sống đầy những khó khăn, vì vậy rất cần những tấm lòng đồng cảm  - Sẻ chia về vật chất: Giúp đỡ khi mọi người gặp khó khăn, hoạn nạn  - Sẻ chia về tinh thần: Ánh mắt, nụ cười, lời an ủi, chúc mừng, đôi khi chỉ là sự im lặng cảm thông, lắng nghe.  b. Sự đồng cảm, sẻ chia được thể hiện trong những mối quan hệ khác nhau  - Đối với người nhận  - Đối vơi người cho  c. Phê phán bệnh vô cảm, lối sống ích kỉ, sống thiếu trách nhiện với cộng đồng  **3. Bài học nhận thức và hành động**  - Nhận thức:  + Đồng cảm, sẻ chia giúp con người thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách, những nghịch cảnh của cuộc đời.  - Hành động:  + Học cách biết đồng cảm, sẻ chia và phân biệt đồng cảm, sẻ chia với sự thương hại, ban ơn  + Cuộc sống sẽ tươi đẹp hơn khi con người biết đồng cảm, sẻ chia. Đó cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề nghị luận | 2,0 điểm |
| - Đánh giá chung:  Nghệ thuật xây dựng nhân vật theo lối ẩn dụ độc đáo, gửi gắm một bài học nhân sinh sâu sắc. | 0,5 điểm |
| **d.Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sáng tạo**  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 điểm |

# ĐỀ 10

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 VĂN 10 SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **15** | **20** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I  
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 4TN | 3TN  1TL | 2TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một truyện kể | **Nhận biết:**  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |  |  |  | 1 TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **4TN** | **3TN**  **1TL** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..**  **ĐỀ SỐ 10** | **ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 10**  **(*Thời gian làm bài: 90 phút*)** |

**I. ĐỌC HIỂU *(6.0 điểm)***

Đọc văn bản sau:

*Anh nhớ không những con đường quê ta*  
*Thân thương từ thuở nhỏ?*  
*Bao năm tháng đi về trên ngõ*  
*Bao hoàng hôn rậm rịch bước chân trâu*  
*Đường lập loè đom đóm bay cao*  
*Ta ghé cửa nhà nhau xin lửa*  
*Nghe hoa súng bờ ao se sẽ nở*  
*Da diết lòng hương dịu tự vườn cau...*

*Xưa xóm nghèo mái rạ chen nhau*  
*Gồ ghề lối hẹp*  
*Hun hút bờ tre gió rét*  
*Mưa dầm lầy lội bùn trơn*  
*Bà lưng còng chống gậy bước run*  
*Còm cõi vai gầy gánh nặng*  
*Sương trắng mùa đông ngõ vắng*  
*Quét hoài không hết lá khô...*

*Ôi những con đường hẹp ngày xưa*  
*Cùng ruộng nhỏ ao con bó luôn tầm mắt*  
*Khiến lòng người nhiều khi cũng chật...*  
*Ta dựng ngày mai rộng biển lúa vàng*  
*Bước đi dài đường phải thênh thang*  
*Vui mở với đời ta như trời rộng…*

*(Những con đường, Trích Hương cây – 1968 – Lưu Quang Vũ)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Đoạn trích được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do.

B. Hiện đại.

C. Bảy chữ.

D. Tám chữ.

**Câu 2.** Các từ láy trong khổ thơ đầu:

A. rậm rịch, lập loè, lầy lội, còm cõi.

B. rậm rịch, lập loè, se sẽ, da diết.

C. ghồ ghề, hun hút, lầy lội, còm cõi.

D. se sẽ, da diết, ghồ ghề, hun hút.

**Câu 3.** Hình ảnh nào không xuất hiện trong đoạn trích?

A. Xóm nghèo mái rạ.

B. Bờ tre hun hút.

C. Đom đóm lập lòe.

D. Dòng sông xanh mát.

**Câu 4.** Dòng nào nêu đúng tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong câu thơ còm cõi vai gầy gánh nặng?

A. Nhấn mạnh sự lam lũ, cơ cực của người bà.

B. Nhấn mạnh sự lam lũ, cơ cực của người mẹ.

C. Nhấn mạnh niềm vui, niềm hạnh phúc của người bà.

D. Nhấn mạnh sự mạnh mẽ, kiên cường của người bà.

**Câu 5.** Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong đoạn thơ là

A. ngỡ ngàng.

B. nhớ thương.

C. hân hoan.

D. đau buồn.

**Câu 6.** Con đường ngày xưa và con đường ngày mai có gì khác nhau?

A. Con đường ngày xưa thân thương, con đường ngày mai xa lạ.

B. Con đường ngày xưa gồ ghề, con đường ngày mai bằng phẳng.

C. Con đường ngày xưa hẹp, con đường ngày mai thênh thang.

D. Con đường ngày xưa lầy lội bùn trơn, con đường ngày mai rực rỡ ánh điện.

**Câu 7**. Theo văn bản, các câu thơ sau được hiểu như thế nào?

*Ôi những con đường hẹp ngày xưa*  
*Cùng ruộng nhỏ ao con bó luôn tầm mắt*  
*Khiến lòng người nhiều khi cũng chật...*

A. Điều kiện sống thiếu thốn ảnh hưởng đến tầm nhìn của con người.

B. Điều kiện sống sung túc ảnh hưởng đến tầm nhìn của con người.

C. Điều kiện sống không ảnh hưởng đến lối sống của con người.

D. Cần tạo môi trường sống tốt đẹp để con người được phát triển.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.**Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 9**. Anh/chị có đồng tình với ước vọng của tác giả trong hai câu thơ sau không? Vì sao?

*Ta dựng ngày mai rộng biển lúa vàng*  
*Bước đi dài đường phải thênh thang*

**Câu 10.**Thông điệp có ý nghĩa tích cực mà anh/ chị nhận được sau khi đọc đoạn trích?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Đọc truyện ngắn:**

**Nghề của mẹ**

Mẹ tôi làm nghề bán cá. Mùa nước nổi mẹ bán cá linh. Cá linh đưa lên bờ mau chết dễ sình, nên xuống bến mua cá xong mẹ phải chạy rao bán khắp xóm.

Có lần mẹ đội thau cá đứng trước cổng trường tiểu học nơi tôi học, ở ngoài rào mẹ ngoắt tôi đến cốt đưa cho gói xôi, cái bánh…

Mấy năm học xa, tôi không cho ai biết mẹ làm nghề bán cá. Nay về, giữa mênh mông đồng nước quê mình, tự thấy như chưa bao giờ tròn chữ hiếu cùng mẹ.

*(Võ Thành An, nguồn Kiến thức ngày nay số 404 ngày 06/01/2015)*

**Thực hiện yêu cầu:**

Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn trên.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | A | 0,5 điểm |
| **2** | B | 0,5 điểm |
| **3** | D | 0,5 điểm |
| **4** | A | 0,5 điểm |
| **5** | B | 0,5 điểm |
| **6** | C | 0,5 điểm |
| **7** | A | 0,5 điểm |
| **8** | - Hình ảnh con đường quê hương trong hoài niệm của tác giả  -Tình cảm và những suy ngẫm của tác giả về quê hương | 0,5 điểm |
| **9** | **- Đồng tình:**vì đó là ước vọng cao đẹp của con người. Hành trình phát triển cần song hành với điều kiện thuận lợi về vật chất.  **- Không đồng tình**vì: có những sự phát triển mang tính đột phá vượt lên những hạn chế, nghịch cảnh.  - **Vừa** **đồng tình vừa không đồng tình, vì:**trong hành trình phát triển của con người, điều kiện vật chất là yếu tố quan trọng nhưng không hẳn đóng vai trò quyết định. | 1,0 điểm |
| **10** | - Tình cảm yêu thương, gắn bó dành cho quê hương  - Thái độ trân trọng và tự hào.  - Hành động thiết thực để góp phần xây dựng quê hương… | 1,0 điểm |

**Phần II: Tự luận (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
|  | **a*.* Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận**  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 điểm |
| **b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận**  Hình ảnh người mẹ trong truyện ngắn trên. | 0,25 điểm |
|  | **c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  - Hình ảnh người mẹ tảo tần, lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó mưu sinh bằng nghề bán cá.  - Người mẹ với tình yêu thương con vô bờ, dẫu nghèo khó vẫn dành những gì tốt đẹp nhất cho con qua hình ảnh gói xôi, cái bánh.  - Đánh giá chung:  + Nội dung : người mẹ tiêu biểu cho tình mẫu tử thiêng liêng, cao quý, đồng thời thể hiện sự yêu thương, biết ơn và nỗi niềm day dứt của tác giả  + Nghệ thuật: giọng văn nhẹ nhàng thông qua hình thức truyện cực ngắn độc đáo.  -Nêu ý nghĩ của bản thân về vấn đề nghị luận | 2,5 điểm |
| **d. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 điểm |
| **e. Sáng tạo**  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 điểm |